

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 12 - 2021

V/v ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Mỹ Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Linh

Ông Trần Huy Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ông Thị Cảnh Nha –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Kim Thị H; Sinh năm: 1990; Cư trú tại: ấp K, xã H, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Lâm Th; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Kim Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Kim Thị H và ông Lâm Th tự nguyện kết hôn vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện của ông bà, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64, ngày 23/01/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc, nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, bà H và ông Th đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Th không còn, nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Th; Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông Th có 02 người con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 03/7/2010 và Lâm Bảo Nh, sinh ngày 02/10/2012. Hiện nay, Bảo và Nhi đang sống với ông Lâm Th. Bà Kim Thị H yêu cầu giao con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 03/7/2010 và Lâm Bảo Nh, sinh ngày 02/10/2012 cho ông Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà H sẽ không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông Th không có tài sản chung và không có nợ chung, nên bà H không có yêu cầu gì.

Bị đơn là ông Lâm Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, ông Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, xử giao cháu Lâm Gia B, sinh ngày 03/7/2010 và Lâm Bảo Nh, sinh ngày 02/10/2012 cho ông Th nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lâm Th là bị đơn trong vụ án, ông Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

Đối với nguyên đơn bà Kim Thị H đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Kim Thị H và ông Lâm Th là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2016, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay ông bà không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn với ông Th.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông Th có 02 người con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 03/7/2010 và Lâm Bảo Nh, sinh ngày 02/10/2012. Hiện nay, B và Nh đang sống với ông Lâm Th. Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu giao con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 03/7/2010 và Lâm Bảo Nh, sinh ngày 02/10/2012 cho ông Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà H sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Đối với bị đơn là ông Lâm Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của bà H, nhưng ông Th không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà H và ông Th sống ly thân cho đến nay thì cháu B và cháu Nh sống chung với ông Lâm Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lâm Gia B, sinh ngày 03/7/2010 và Lâm Bảo Nh, sinh ngày 02/10/2012 cho ông Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, do ông Th không có ý kiến yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con, nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà H, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông Lâm Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều

228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Kim Thị H được ly hôn với ông Lâm Th.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Gia B, sinh ngày 03/7/2010 và Lâm Bảo Nh, sinh ngày 02/10/2012 cho ông Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu B và cháu Nh thành niên. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho bà H, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007808 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Lâm Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Kim Thị H và ông Lâm Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**